

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 100 /2020 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh riêng công ty mẹ quý III năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ quý III năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý III.2020	Quý III.2019	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,454,942,024,151	1,455,673,010,427	(730,986,276)	(0.05)
11	Giá vốn hàng bán	946,508,625,456	977,274,867,722	(30,766,242,266)	(3.15)
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	508,433,398,695	478,398,142,705	30,035,255,990	6.28
21	Doanh thu hoạt động tài chính	9,729,350,022	10,908,764,468	(1,179,414,446)	(10.81)
22	Chi phí tài chính	12,064,714,494	15,262,727,209	(3,198,012,715)	(20.95)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	12,621,677,700	9,916,626,512	2,705,051,188	27.28
25	Chi phí bán hàng	28,893,374,673	32,870,956,445	(3,977,581,772)	(12.10)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,444,042,064	12,598,664,835	(1,154,622,771)	(9.16)
31	Thu nhập khác	459,121,280	389,723,209	69,398,071	17.81
32	Chi phí khác	3,926,799,220	586,615,270	3,340,183,950	569.40
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	462,292,939,546	428,377,666,623	33,915,272,923	7.92
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	68,114,508,043	64,009,672,332	4,104,835,711	6.41
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	394,178,431,503	364,367,994,291	29,810,437,212	8.18



II. Nguyên nhân biến động

Trong quý III.2020, dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng tới Việt Nam và các nền kinh tế lớn trên thế giới. Tuy nhiên, với nỗ lực phát huy các thế mạnh và nguồn lực của mình, lợi nhuận của Vicostone vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty giảm 730,986,276 đồng (0.05%) do nhu cầu thị trường giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 30,766,242,266 đồng (3.15%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 30,035,255,990 đồng (6.28%) chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm tăng 26,262,386,498 đồng (5.53%), tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu tăng 2.6%.

- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 3,772,869,492 đồng (103.22%), tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu tăng 2.4%.

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1,179,414,446 đồng (10.81%) chủ yếu do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 214,031,632 đồng (5.08%)

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm: 965,382,814 đồng (14.42%)

4. Chi phí tài chính giảm 3,198,012,715 đồng (20.95%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 5,903,063,903 đồng.

- Lãi tiền vay tăng 2,705,051,188 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm 3,977,581,772 đồng (12.10%) chủ yếu do:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 2,660,650,229 đồng

- Chi phí nhân viên bán hàng và chi phí bằng tiền khác giảm: 1,330,442,075 đồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,154,622,771 đồng (9.16%) chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí bằng tiền khác giảm.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 33,915,272,923 đồng (7.92%); lợi nhuận sau thuế tăng: 29,810,437,212 đồng (8.18%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Giá vốn bán hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm, lãi chênh lệch tỷ giá tăng.



Xin chân thành cảm ơn. /



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

